TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 52/2018/DS-PT
Ngày: 14 - 3 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về cây trồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Ông Trần Trọng Hữu
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký pH tòa: Trần Thu Khiếm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia pH tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 01 và ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công kH vụ án dân sự thụ lý số 290/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về cây trồng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 389/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà T Thị V, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã BB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V:

1. Luật sư Lê Anh Tuấn của Văn phòng Luật sư Lê Anh Tuấn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Luật sư Đặng Minh Hải của Văn phòng Luật sư Lê Anh Tuấn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950 (vắng mặt).
Bà Trần Thị H, sinh năm 1950 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã BB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: Ông Trương Minh Chiến là Luật gia thuộc Hội luật gia tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn T (chồng của bà V), sinh năm 1951 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã BB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

2. Ủy ban nhân dân huyện TB (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

3. Ủy ban nhân dân xã BB, huyện TB (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 18, xã BB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

4. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN – Chi nhánh huyện TB. Địa chỉ: Số 2 LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Agribank: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Giám đốc Agribank chi nhánh huyện Thới Bình - Cà Mau, là người đại diện theo ủy quyền của Agribank (Văn bản ủy quyền số 2852/QĐ-HĐTV-PC ngày 31/10/2013 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank) (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà T Thị V là nguyên đơn và bà Trần Thị H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà T Thị V trình bày:

Vợ chồng bà V có một phần đất tại ấp Thanh Tùng, xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Quá trình sử dụng đất, vào ngày 29/5/1997, bà V được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Thới Bình cấp quyền sử dụng đất tại thửa 0345, tờ bản đồ số 02, diện tích là 28.630m^2. Sổ chủ quyền này, phía bà V đang thế chấp để vay vốn tại Agribank chi nhánh huyện Thới Bình - Cà Mau.

Nguồn gốc phần đất là của ông T Văn X cho lại bà Trần Thị H là mẹ của bà V. Đến năm 1970, bà H cho lại bà V. Đến năm 1994 thì phát sinh tranh chấp đất với vợ chồng bà H.

Cặp ranh với phần đất của bà V là phần đất của vợ chồng bà H có 01 con mương do cha chồng bà H là ông N tự đào từ năm 1972 - 1973. Thời điểm ông N đào mương ranh thì vị trí phần mương ranh này là một đường thẳng chạy dài từ kinh Ngã Bát xuống kênh 500. Hiện nay, phần mương ranh mà ông N đào chỉ còn thể hiện trên phần đất tranh chấp ở đoạn từ kinh 17 (trong Mảnh trích đo địa chính là phần ghi "Kinh cũ lúc trước (hiện trạng không còn)") trở ra kinh Ngã Bát (hướng Tây, mặt tiền) có chiều dài là 160,2m giáp với đất của vợ chồng bà H. Đoạn từ kinh 17 đến kênh 500 (còn có tên gọi khác là kênh 16 hay kinh 16,5) thì phần mương ranh ông N đào đã bị vợ chồng ông Đ đưa xáng vào múc lấn đất bên bà V từ năm 2008 và đã lấp mất phần mương cũ ông N đào.

Vào thời điểm ông N đào, thì mương có bề ngang khoảng 02m, mương sâu dùng để phân định ranh đất giữa H bên. Phần bờ mương giáp đất bên bà V thuộc quyền sử dụng bên bà V. Phần mương thuộc quyền sử dụng bên vợ chồng bà H. Tuy nH, giáp với phần mương hiện nay có 01 bụi tre do bên bà V trồng từ rất lâu và 01 cây dừa do phía ông Đ (chồng bà H) trồng vào khoảng năm 1994, là thời điểm khi ấp giải quyết tranh chấp đất giữa 02 bên, phía ông Đ đồng ý trả đất lại cho bà V và có trồng cây dừa này để cặm ranh. Tuy phần mương ban đầu chỉ có 02m, sau này vợ chồng bà H đào lấn thêm khoảng 02m nữa. Khi tranh chấp xảy ra năm 1994, địa phương hòa giải đã động viên bà V nhường cho vợ chồng bà H phần diện tích này nên sau đó, ông Đ đã trồng cây dừa để làm ranh.

Sau khi cả H bên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phía ông Đ lại lấn chiếm sang đất của bà V, diện tích theo đo đạc của Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh Cà Mau là 4.615m^2. Diện tích hiện nay theo kết quả đo đạc của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình là 6.271m^2.

Ngoài việc lấn chiếm đất, thì phía vợ chồng bà H có 03 lần chặt phá bán cây tràm có trên đất tranh chấp, cụ thể:

- Vào năm 1994, vợ chồng bà H tự ý đốn 4.500 cây cừ Tràm do gia đình bà V trồng trên phần đất.

- Vào năm 2008, vợ chồng bà H đưa xáng vào múc lấn đất bên đất bà V và tự đốn hạ số cây tràm trong phạm vi đất tranh chấp (từ vị trí xáng múc đến vị trí mương ông N đào), tính trung bình 01 công đất/1000 cây tràm loại cừ 5. Trong đó, phần đất tranh chấp khoảng 4,5 công, giá 10.500 đồng/cừ loại 5 x 4.500 cây = 47.250.000 đồng. Số cây tràm này, phía ông Đ đã bán cho ông Đ hiện nay còn sống ở cùng địa phương.

- Tiếp đến năm 2014, vợ chồng bà H tiếp tục đốn lần thứ 3 các cây tràm có trên phần đất. Các cây tràm này là do chồi mọc lên từ các cây tràm mà ông Đ đốn từ năm 2008. Bà V có báo chính quyền địa phương lập biên bản.

Nay bà V yêu cầu vợ chồng bà H giao trả phần diện tích lấn chiếm là 6.271m^2. Về phần cây tràm bị thiệt hại, thì bà V chỉ yêu cầu vợ chồng bà H bồi thường thiệt hại số cây tràm đốn lần thứ H (năm 2008) số tiền là 47.250.000 đồng và khoản lãi suất chậm trả từ ngày 05/6/2008 đến nay theo quy định của Nhà nước, đồng thời xin rút lại phần yêu cầu vợ chồng bà H bồi thường số cây tràm đốn lần 01.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là bà Trần Thị H cùng chồng là ông Nguyễn Văn Đ (gọi chung là vợ chồng bà H) trình bày:

Vào năm 1975, cha mẹ chồng bà H là ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị T có cho vợ chồng bà H một phần đất tọa lạc tại ấp Thanh Tùng, xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Quá trình sử dụng đất, vợ chồng bà H có kê kH và được UBND huyện Thới Bình cấp quyền sử dụng đất số H 011726 ngày 25/6/1996 tại các thửa 0050, 0066, 0343, 0342, tờ bản đồ số 02, tổng diện tích là 37.777m^2.

Bà H cam kết việc vợ chồng bà đang quản lý bản gốc sổ chủ quyền số H 011726 do UBND huyện Thới Bình cấp ngày 25/6/1996, không có đem thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn… quyền sử dụng đất nói trên cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào.

Trước yêu cầu của bà V đưa ra, vợ chồng bà H không đồng ý giao trả đất cũng như không đồng ý bồi thường thiệt hại về cây tràm vì không có lấn chiếm đất. Mặt khác, vợ chồng bà H còn phản tố, yêu cầu bà V phải bồi thường thiệt hại về cây tràm cho vợ chồng bà với tổng số tiền là 12.000.000 đồng theo Quyết định số 1992/QĐ.CTUB ngày 13/12/2002 của Chủ tịch UBND huyện Thới Bình.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã BB trình bày:

Trước đây, UBND xã Biển Bạch (cũ) có làm hợp đồng cho ông Đ, bà H thuê phần đất trồng rừng tiếp giáp kênh 500, kênh 16, kênh 17, hồ sơ liên quan đến hợp đồng thuê khoán đất hiện nay UBND xã không còn lưu trữ hay quản lý nên không xác định được vị trí, kích thước, tứ cận cũng như diện tích thuê là bao nhiêu. Phần đất bà H, ông Đ thuê là do ông Đ, bà H tự kH phá đất rừng (đất hoang), sau đó được UBND huyện Thới Bình đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông

Đ, bà H và những hộ dân khác thuê đất của UBND xã Biển Bạch cũ, hiện nay phần đất ông Đ, bà H không nằm trong quỹ đất của UBND xã Biển Bạch đang quản lý. Còn về phần đất của bà V và ông T cũng giống như trường hợp của bà H và ông Đ.

Nay UBND xã Biển Bạch không có yêu cầu xử lý đối với phần đất trên và đề nghị Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt UBND xã Biển Bạch, xin không tham gia tố tụng tại vụ án vì không còn liên quan gì.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Agribank trình bày: Bà V có vay của Agribank chi nhánh huyện Thới Bình - Cà Mau vào ngày 03/3/2009 với số tiền vay là 76 triệu đồng sử dụng vào mục đích trồng lúa nuôi tôm. Tài sản bảo đảm tiền vay là quyền sử dụng đất số H427757 do UBND huyện Thới Bình cấp ngày 29/5/1997 đứng tên bà V diện tích 28.630m^2. Nếu việc xét xử hộ bà V cớ liên quan đến nghĩa vụ trả nợ và tài sản thế chấp để bảo đảm tiền vay tại Agribank chi nhánh huyện Thới Bình - Cà Mau, thì Agribank yêu cầu buộc bà V thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi nợ vay theo hợp đồng đã ký. Nếu không thanh toán nợ cho ngân hàng, yêu cầu xử lý theo pháp luật hiện hành.

Đến ngày 07/8/2017, Agribank đã rút yêu cầu độc lập, không yêu cầu bà V thanh toán nợ. Lý do, hợp đồng vay vốn giữa ngân hàng và bà V chưa đến hạn, trong khi phần đất tranh chấp không thuộc trong quyền sử dụng đất mà bà V thế chấp ngân hàng. Khi nào nợ đến hạn mà bà V không trả đúng theo hợp đồng tín dụng đã ký, thì ngân hàng sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

Tại pH tòa hôm nay:

- Bà V trình bày bổ sung: Yêu cầu vợ chồng bà H giao trả phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 6.271m^2 và rút 01 phần yêu cầu, cụ thể không yêu cầu vợ chồng bà H bồi thường thiệt hại về cây trồng (Tràm) lần thứ nhất (năm 1994) mà chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây trồng (Tràm) lần thứ H (năm 2008). Yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để xem xét đối với yêu cầu phản tố của vợ chồng bà H. Phần đất tại thửa 0345, tờ bản đồ số 02, diện tích là 28.630m^2 được UBND huyện Thới Bình cấp vào ngày 29/5/1997 mặc dù đứng tên bà V, nhưng là tài sản chung của vợ chồng bà. Ngoài phần đất tại thửa 0345 được cấp sổ chủ quyền, vợ chồng bà V vẫn còn phần đất chưa được cấp sổ chủ quyền có vị trí từ kênh 17 đến kênh Ngã Bát. Lý do diện tích đất tranh chấp có thay đổi là vì thời điểm UBND huyện giải quyết, thì phần đất tranh chấp có vị trí từ kênh 17 đến kinh 500. Sau khi hồ sơ chuyển qua Tòa án giải quyết, thì phát sinh thêm phần đất tranh chấp từ vị trí kênh 17 đến kênh Ngã Bát.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bà V trình bày: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà V, buộc vợ chồng bà H giao trả cho vợ chồng bà V phần đất tranh chấp có diện tích 6.271m^2, đồng thời buộc vợ chồng bà H bồi thường thiệt hại về cây trồng cho vợ chồng bà V với tổng số tiền là 47.250.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Bác yêu cầu phản tố của vợ chồng bà H yêu cầu bà V bồi thường thiệt hại về cây tràm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H trình bày:

Đề nghị tạm ngừng pH tòa với các lý do: Đưa ông T Văn Q vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để tiến hành đo đạc

phần đất của ông Q; triệu tập người đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thới Bình, UBND huyện Thới Bình để làm rõ quá trình và quy trình cấp quyền sử dụng đất cho các đương sự; triệu tập các ông Nguyễn T S và ông Lê Hoàng T để đối chất tại pH tòa.

- Bà H trình bày bổ sung: Phần đất tại các thửa 0050, 0066, 0343, 0342, tờ bản đồ số 02, tổng diện tích là 37.777m^2 mặc dù đứng tên chồng bà H là ông Đ trong sổ chủ quyền, nhưng là tài sản chung của vợ chồng bà H. Thừa nhận lý do phát sinh diện tích đất tranh chấp như bà V trình bày. Thừa nhận vị trí, kích thước và diện tích đất tranh chấp được xác định tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 26/11/2015 và ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình. Ngoài phần đất tại thửa 83, 101, tờ bản đồ số 03 đo đạc năm 2004, thì vợ chồng bà H không có sử dụng phần đất tại thửa 129, tờ bản đồ số 03. Đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện để xem xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của phía bà V.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T Thị V về việc tranh chấp quyền sử dụng đất;

- Buộc bà Trần Thị H và chồng là ông Nguyễn Văn Đ phải giao trả cho bà V phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 6.271m^2, tọa lạc tại ấp Thanh Tùng, xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Phần đất có vị trí, kích thước như sau (có sơ đồ kèm theo):

+ Mặt tiền (mốc M9-M10) giáp kênh Ngã Bát, dài 4,8m;

+ Mặt hậu (mốc M4-M5) giáp kênh 500 (có tên gọi khác là kênh 16,5), dài 24,7m;

+ Cạnh trái (nhìn từ mặt tiền, mốc M10-M4) giáp phần đất còn lại của vợ chồng bà H, dài 643,3m;

+ Cạnh phải (nhìn từ mặt tiền, mốc M9-M5) giáp phần đất còn lại của vợ chồng bà V, dài 637m.

Bà V có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng bà H tổng số tiền 33.539.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi chín ngàn đồng) là giá trị của các loại cây trồng và chi phí xáng múc có trên phần diện tích được nhận 6.271m^2. Các loại cây trồng gồm: 39 cây Bạch đàn, 135 cây tràm nước, 107 cây tràm núi, 16 bụi chuối, 01 cây keo lai, 01 bụi trúc và lá dừa nước.

Bà V được quyền sở hữu số cây và sử dụng kênh xáng sau khi đã thanh toán xong số tiền nói trên cho vợ chồng bà H.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà V về việc buộc bà H cùng chồng là ông Đ bồi thường thiệt hại về cây tràm có trên đất tranh chấp với số tiền là 47.250.000 đồng và tính lãi suất chậm thanh toán.

- Vợ chồng bà H được tiếp tục sở hữu và thu hoa lợi đối với 01 cây dừa có trên phần mốc giới chung (mốc M10-M4, vị trí cây cách kênh Ngã Bát khoảng 02m).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần lãi suất do chậm trả, chi phí đo đạc và định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017, nguyên đơn là bà T Thị V có đơn kháng cáo sửa bản án sơ thẩm buộc ông Đ và bà H bồi thường tiền tràm cho bà V với số tiền là 47.250.000 đồng, bà V không đồng ý trả cho ông Đ và bà H số tiền xáng múc và cây trồng là 33.539.000 đồng.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017, bị đơn là bà Trần Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.

Tại pH tòa phúc thẩm bà T Thị V và bà Trần Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bà V phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ và cung cấp trích lục bản đồ thửa đất của bà Trần Thị H là mẹ ruột bà V (từ thửa đất này tách cho bà V) và đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà H trình bày: Về nguồn gốc đất của bà H trong phần đất tranh chấp có đất của Xã quản lý cho vợ chồng bà H thuê như vậy không thể nói đất của bà V, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà V mà không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia pH tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng pháp luật tố tụng dân sự, qua phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự diễn biến tại pH tòa, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, giao hồ sơ về cho Toà án nhân dân huyện Thới Bình giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T Thị V, bà Trần Thị H Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại pH tòa phúc thẩm, bà V yêu cầu ông Đ và bà H bồi thường tiền tràm cho bà với số tiền là 47.250.000 đồng, bà V không đồng ý trả cho ông Đ và bà H số tiền xáng múc và cây trồng là 33.539.000 đồng. Phía bà H không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà V và không đồng ý giao đất.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, cơ quan chức năng không xác định được quy trình cấp quyền sử dụng đất, cũng như không cung cấp được hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cho các đương sự nên không có cơ sở xác định được phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà V hay ông Đ, bà H. Đồng thời, Tòa án có gửi Công văn số 40/CV-TA ngày 26/02/2018 đề nghị Ủy ban nhân dân huyện TB, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thới Bình cung cấp toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình xác minh, giải quyết vụ tranh chấp giữa bà V với ông Đ và bà H theo Quyết định số 1992/QĐ.CTUB ngày 13/12/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TB và Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TB. Tòa án có nhận được văn bản trả lời số 36/PTN&MT ngày 27/02/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thới Bình hiện không còn lưu trữ hồ sơ do thất lạc.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/11/2015 xác định trên phần đất tranh chấp, vợ chồng bà H có trồng các loại cây từ năm 2008 gồm: 39 cây bạch đàn, 135 cây tràm, 107 cây tràm núi, 16 bụi chuối, 01 cây keo lai, 01 bụi trúc, lá

dừa nước và hiện tại phía giáp kinh Ngã Bát có một cây dừa khoảng 10 năm tuổi do bà H trồng làm ranh vẫn còn, nhưng bà V chỉ đất tranh chấp bên trong cây dừa (phía đất bà H). Như vậy, rõ ràng, phần đất tranh chấp do vợ chồng bà H đã canh tác, sử dụng trồng các loại cây nêu trên, bà V cũng không ngăn cản. Ngoài ra, khi Tòa án trực tiếp đến xem xét, thẩm định tại chỗ thì hiện trạng vẫn còn cái lung lạng, vợ chồng bà H có đưa xáng vào múc đào con mương và trồng nhiều cây giáp ranh hiện tại. Đối với bà V có cung cấp xác nhận của các ông: Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T, Châu Văn N, Hồ Văn S, Nguyễn Hùng A, Phạm N K, Nguyễn Văn L. Qua xác minh, những người này xác định có hiểu biết về nguồn gốc cũng như quá trình sử dụng đất, có tham gia giải quyết tranh chấp đất giữa các bên đương sự do ấp Thanh Tùng tiến hành. Tuy nH, với xác nhận của những người này chưa phù hợp với một số biên bản do chính quyền địa phương lập, đã thu thập được nên không có đủ cơ sở để xác định phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 6.271 m^2 thuộc quyền sử dụng đất của bà V. Mặc dù, Tòa án không thu thập được hồ sơ giải quyết tranh chấp của Ủy ban nhân dân huyện TB, không thu thập được hồ sơ cấp đất cũng như không xác định được phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ai nhưng khi giải quyết tranh chấp Ủy ban nhân dân huyện TB đã xác định phần đất tranh chấp có diện tích 4.615 m^2 (Diện tích có thay đổi do bên bà V chỉ ranh tranh chấp từng thời điểm khác nhau) là đất của vợ chồng bà H và quyết định trả lại cho bà H (Theo Quyết định số 1992/QĐ.CTUB ngày 13/12/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TB), phía bà V cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh phần đất tranh chấp thuộc trong quyền sử dụng của bà V, trong khi đó theo diện tích đo đạc thực tế thì phần đất các đương sự đang sử dụng thực tế đều có diện tích ít hơn diện tích được cấp giấy. Mặt khác, tại hồ sơ do đương sự cung cấp, qua lời xác nhận của các hộ có thuê đất của xã, hợp đồng thuê đất và các biên lai thu tiền thuê đất thể hiện phần đất sau hậu đất bà H đang quản lý, sử dụng mà bà V đang tranh chấp đòi lại có diện tích đất của xã cho bà H thuê từ năm 1997. Điều đó chứng tỏ, bà H sản xuất trên phần đất này có diện tích bà thuê của xã liền ranh là một đường thẳng, phù hợp với bản vẽ cấp quyền sử dụng đất của bà. Mặt khác, đất của bà V hiện tại chỉ đến kinh 500, còn đất của bà H sử dụng trước đây qua kinh 500 là một đường thẳng, nếu như ranh bà V chỉ thì không thẳng. Cũng như trong hồ sơ thể hiện và tại pH tòa phúc thẩm bà V có cung cấp bản vẽ trích lục bản đồ (đo đạc năm 1994) của bà H là mẹ ruột của bà V cho thấy phần hậu đất (kênh 16,5 (kênh 500)) lớn hơn mặt tiền (kênh Ngã Bát), nhưng cạnh xéo là giáp thửa đất số 64, chứ không phải giáp thửa đất số 66 của bà H. Như vậy, càng rõ hơn diện tích đất tranh chấp bà V đòi bà H là không phải của bà V.

Từ những phân tích nêu trên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V và lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà V về việc đòi vợ chồng bà H trả 6.271 m^2 đất và bồi thường cây tràm 47.250.000 đồng. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà H và lời đề nghị của Luật gia bảo vệ quyền lợi cho bà H.

[2] Xét yêu cầu phản tố của vợ chồng bà H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại bản án cấp sơ thẩm đã xác định, thời hiệu yêu cầu phản tố của vợ chồng bà H không còn, căn cứ vào căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng

dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của vợ chồng bà H về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây tràm với số tiền là 12.000.000 đồng.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đo đạc và định giá tài sản 6.977.381 đồng bà V phải chịu theo quy định pháp luật, vì yêu cầu khơi kiện của bà không được chấp nhận, bà V đã dự nộp xong nên không đặt ra xem xét.

[4] Xét đề nghị hủy án sơ thẩm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại pH tòa Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã có nhiều biện pháp thu thập chứng cứ nhưng không thể thu thập được nữa và tại hồ sơ các chứng cứ đã thu thập được có đủ cơ sở cho Hội đồng xét xử phán quyết, mặt khác về tố tụng cấp sơ thẩm thực hiện đúng không vi phạm và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, do đó không cần phải hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu theo quy định pháp luật vì bà V và bà H thuộc đối tượng là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được xét miễn nộp án phí.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà H được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định vì bà V thuộc đối tượng là người cao tuổi nên được xét miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà T Thị V.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị H.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T Thị V, về việc yêu cầu bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn Đ phải trả lại phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 6.271 m^2, tọa lạc tại ấp Thanh Tùng, xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây tràm với số tiền là 47.250.000 đồng và tính lãi suất chậm thanh toán.

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu phản tố của vợ chồng bà H về việc yêu cầu bà V bồi thường thiệt hại về cây tràm với số tiền là 12.000.000 đồng.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản 6.977.381 đồng bà V phải chịu, bà V đã nộp xong nên không phải nộp tiếp.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho vợ chồng bà H 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 03330 ngày 27/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình.

Bà T Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà V tổng số tiền 3.995.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 042475 ngày 08/3/2010 và số 03015 ngày 13/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà T Thị V không phải chịu, bà V có dự nộp 200.000 đồng theo biên lai số 0018839 ngày 31 tháng 10 năm 2017 được nhận lại.

Bà Trần Thị H không phải chịu, đã qua bà H có dự nộp 200.000 đồng theo biên lai số 0018838 ngày 31 tháng 10 năm 2017 được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH TÒA

Trần Trọng Hữu